 Đầu Xuân nhớ về cố hương

                                                                                                Tôn Thất  Đàn

          Đã 23 năm, gia đình tôi đến Mỹ. Thời gian trôi nhanh như nước chảy mây trôi! Ngoảnh lại, cứ ngỡ như mới ngày nào!  23 năm đối với quỹ thời gian thì chẳng có là bao, nhưng so với một đời người thì cũng khá dài! Mỗi lần Xuân về, cúc đào, mai phơi sắc, lòng dạ kẻ ly hương lại chạnh lòng nhớ về quê cha đất tổ! Hồi tưởng lại ngày gia đình tôi nhận đươc “giấy xuất cảnh” sang định cư tại Hoa Kỳ, khi đó lòng mình rộn lên không biết bao nhiêu là nỗi vui buồn lẫn lộn!

          -Vui vì sắp thoát được cảnh “thiên đàng Cọng Sãn” mà tôi đã phải gánh chịu trong suốt gần 20 năm, qua hai lần bị giam cầm trong ngục tù của chúng. Một lần bị bắt làm tù binh năm 1972, đưa ra giam tại Hà Nội. Và được “trao trả tù binh” vào  ngày 23/3/1973. Đến ngày 30/4/1975 ngày mất nước, lai phải vào tù lần thứ hai hơn cả 6 năm trời nữa, mà “bên thắng cuộc” gọi là đi “học tập cải tạo” tại trại A.30 (Tuy Hòa, Phú Yên).

         -Buồn vì phải bỏ lại tất cả, nào mồ mã cha ông, họ hàng lối xóm, nhà cửa ruộng vườn. Giã từ trong vấn vương, trong nghẹn ngào! Thật trên thế gian này không có nỗi buồn nào bi thãm bằng nỗi buồn mất quê hương! Không có tổn thất nào to lớn hơn, đau thương nào tê tái hơn! Đường đường mang trong mình dòng máu Lạc Hồng mà bị coi như khách tạm cư, còn gì não nề hơn? Ở nơi xứ người ai lại không cảm thấy đêm dài và ngày nặng nề hơn? Quả đúng với câu:”*Cảnh đấy người đây luống đoạn trường”*, và còn gì tủi phận hơn: *“Sống nhờ đất khách, xác chôn quê người.”*(Nguyễn Du).

          NewYork, tượng Nữ Thần Tự Do, Tiểu bang Cali, thành phố Boston…có khang trang, tân kỳ, có mời mọc, nhưng sao bằng Hà Nội, Huế, Sài Gòn, quê hương nơi chôn nhau cắt rốn, nơi đã in vết chân của tôi và của các bạn từ thuở ấu thơ với bao kỷ niệm, bao lưu luyến mà thời gian không thể làm phai mờ.

         - Nhớ Hà Nội thân yêu, đất ngàn năm văn hiến, có hồ Hoàn Kiếm với cầu Thê Húc với hàng liễu buông rũ thướt tha, với Tháp Rùa và đền Ngọc Sơn linh thiêng  hùng vĩ mà đã có biết bao thi nhân mặc khách, biết bao nhiếp ảnh gia đã ca tụng và đưa lên màn hình cho chúng ta cùng chiêm ngưỡng.. Hà Nội với chùa Một Cột cỗ kính, hồ Tây, hồ Trúc Bạch, non nước hữu tình. Đặc biệt Hà Nội có 36 phố phường mà mỗi khu phố mang một sắc thái riêng, nào hàng da, hàng trống, hàng lọng, hàng bạc, hàng đào v.v…mà chúng ta đã đọc qua sách vở.

          -Nhớ Huế thân yêu, một Cố đô trầm lặng, u tịch, gợi cảm. Lăng tẩm đền đài với lối kiến trúc dân tộc nói lên bao sử tích lẫy lừng của các bậc quân vương, của hàng dũng tướng. Huế với con sông Hương êm ả lững lờ trôi. Có cầu Trường Tiền sáu vài mười hai nhịp, vào giờ tan học, dập dìu những tà áo dài tha thướt của các nữ sinh Đồng Khánh, mái tóc thề phủ kín bờ vai, chiếc nón lá che nửa mặt làm tăng vẻ ngây thơ tươi mát.

          Huế với chùa Thiên Mụ một khung cảnh siêu thoát nơi cửa Phật, vào lúc chiều tà tiếng chuông trầm buồn ngân nga như ru hồn chúng sinh thoát tục! Huế với Thành Nội nguy nga của Vương triều, Kim Long với vành nón bài thơ, Vỹ Dạ với món chè khoai tía, chè bắp ngọt lịm, và cửa Thượng Tứ với món “bánh khoái” ngon tuyệt vời!... Còn núi Ngự Bình thì vẫn trước tròn sau méo như tấm bình phong che chắn trước mặt Kinh thành, mỗi nơi một vẻ, làm cho khách viễn du cảm mến dạt dào!

          Nhớ bún bò mụ Rớt, nhớ chè bông cau. Nhớ hồi còn học tiểu học ở trường An Cựu, tôi thường được ăn những trái “sim rừng” của bà cụ bán ở trước cổng trường, ôi chao vừa to, vừa đen, vừa ngọt lịm! Đến mãi bây giờ vẫn còn vương vấn mùi hương.             Ca dao có câu:

*“Đói lòng ăn nửa trái sim,*

*Uống lưng bát nước đi tìm người thương!”*.  Quả thật là thi vị!

          Huế còn đánh động lòng người tha hương qua đủ món ngon vật lạ ăn mãi không chán. Nào bún bò giò heo, bún hến, cơm hến, chè thập cẩm v.v…Bún bò giò heo đúng là món trứ danh của xứ Huế, không hề nói ngoa chút nào. Vị nước dùng ngọt ngọt, vị cay cay của ớt, thơm mùi nước mắm, vị sả, và miếng huyết bò tạo nên thứ nước dùng rất đặc trưng mà chẳng đụng hàng với bất kỳ món nào.

        -Nhớ Sài Gòn thân yêu mưa nắng hai mùa! Mặc dầu ngày nay “bên thắng cuộc” đã đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng với tôi, Sài Gòn vẫnmãi mãi ở trong tim tôi! Sài Gòn mãi mãi vẫn là thủ đô của nước Việt Nam Cọng Hòa, tôi không bao giờ nghĩ và nhắc nhở đến cái tên Thành phố HCM  bao giờ! Sài Gòn là “Hòn Ngọc Viễn Đông” với nhà thờ Đức Bà hai tháp thon thon hiên ngang giữa nền trời cao xanh. Tượng Đức Mẹ Maria chứng kiến bao thay đổi, đổi thay, bao bể dâu, dâu bể, triều đại này qua đi, chế độ kia vụt tới. Sài Gòn với dinh thự nguy nga như Dinh Độc Lập, Hạ viện, Diên Hồng đã vang bóng một thời, vinh có, nhục có. Bến Bạch Đằng, đại lộ Nguyễn Huệ, Tự Do, Đồng Khánh dập dìu khách thập phương. Dakao, Chợ Lớn, Bến Thành nhộn nhịp người mua, người bán, nhất là vào dịp đón Xuân, hoa đủ loại bày bán ở hai bên đường Nguyễn Huệ. Nhớ Sài Gòn, không thể không nhớ tới Tòa Đại Sứ Mỹ ở đường Thống Nhất với cảnh di tản bằng trực thăng, một cuộc ra đi hốt hoảng chưa từng có trong lịch sử chiến tranh VN.

       …Tôi còn nhớ gì nữa, tôi nhớ Thủ Đức nơi có “Liên trường Võ khoa” đã trui luyện tôi trong suốt một năm trời (kể cả 3 tháng tại trường Thiết Giáp) để trở thành một Sĩ quan của QLVNCH. Nhớ những bãi tập “chiến thuật”, nhớ đồi Tăng Nhơn Phú, nhớ những đêm bò “hỏa lực” dưới tầm đạn đại liên bắn ngang đầu…Còn nhớ nhiều nữa, nhớ những buổi bị phạt “dã chiến”  chạy vắt giò lên cổ, mồ hôi thấm đẫm đôi vai. Nhớ những “câu lạc bộ” trong quân trường như Diệm Song, như Diệp Kính và như  Thu Thủy bên trường Thiết Giáp mà tôi thường ghé qua thưởng thức các món ăn, và ngắm những người đẹp bán hàng để giải khuây sau những giờ phút tập luyện gian khổ. Ngoài ra, còn nhớ một đặc sản có một không hai của chợ Thủ Đức , đó là thứ nem chua rất ngon, mà mỗi lần đi phép cuối tuần, tôi đều có ghé vào thưởng thức.

          Rồi thời gian qua nhanh như gió thoảng mây bay! Rời khỏi quân trường Sĩ quan Thủ Đức, để rồi vác ba lô lên núi rừng cao nguyên với “gió lạnh mưa mùa”. Đó là Pleiku có cô em gái “má đỏ môi hồng”, rồi Đức Cơ bụi đỏ ngang đầu với lửa đạn ngút  trời, KonTum với dòng sông Dabla chảy ngược, với những bản Thượng buồn hiu hắt!  Nào Tân Cảnh, Dakto, Daksut, Benhet, phi  trường  Phượng Hoàng, những nơi mà tôi và các chiến hữu đã hy sinh biết bao xương máu để dành lại từng tấc đất, từng ngọn đồi hầu đem lại sự an bình cho người dân nơi đây! Và nhất là không quên dành một phút mặc niệm để tưởng nhớ đến những anh hùng tử sĩ đã bỏ mình nơi các chiến địa xa xôi ngút ngàn đó!!

       …Còn nữa, đây là nơi mà đã ghi dấu ấn sâu đậm nhất trong cuộc đời binh nghiệp của tôi, đó là “Quảng Trị kiêu hùng”. Quảng Trị là xứ nghèo nhất nước, đất cày lên sỏi đá, mùa đông thiếu áo, mùa hè thiếu ăn, mà chiến tranh ác liệt nhất lại gây biết bao  đau thương cho dân nghèo Quảng Trị! Tôi là một trong những nạn nhân của cuộc “nội chiến” tương tàn đó! Là người sinh ra  trong cảnh ”nồi da xáo thịt”!  Anh em hai miền Nam Bắc VN chém giết lẫn nhau không thương tiếc vì khác biệt “ý thức hê”, mà mọi thứ quân trang, quân dụng trang bị từ đầu đến chân cho cả hai bên đều do ngoại bang cung cấp, do những bàn tay lông lá giựt giây và quyết định! Nơi đó, tôi đã bị Cộng quân Bắc Việt bắt tại mặt trận Quảng Trị trên “đại lộ kinh hoàng” vào “mùa Hè đỏ lửa” năm 1972 sau khi di tản ra khỏi Thị xã. Chúng đem tôi ra giam giữ tại “Hỏa Lò” Hà Nội, rồi đưa lên Lạng Sơn, Cao Bằng cho đến ngày “trao trả tù binh” theo hiệp định Paris  (27/1/1973). May mà có “trao trả”, không thì tôi cũng đã “ngàn năm mây bay” trên núi rừng Cao Bắc Lạng  ngoài đó rồi! Viết đến đây, tôi cũng xin dành riêng một phút mặc niệm để nhớ đến những đồng đội của tôi đã ngã gục trên chiến trường Trị Thiên, và những người đã bỏ mình trên đường bị áp tải ra Bắc, vì đói khát và bệnh tật mà phải bỏ xác trong rừng!

       …Nhớ gì nữa, nhớ Đà Nẵng, Qui Nhơn, Nha Trang, Phan Rang, Pleiku mỗi nơi còn cô đọng lại trong tim tôi những mãnh tình sâu đậm!…

          Suy cho cùng, không riêng gì Huế, Sài Gòn, Hà Nội cùng các đô thị lớn nhỏ ở quê hương mà ai ai cũng nhớ! Ngoài ra, tôi còn nhớ từng con đê, lạch nước, nhớ hàng dừa, lũy tre, nhớ bác nông phu, nhớ cô thôn nữ, nhớ mái tranh nghèo nơi mà có người mẹ hiền với tiếng ru à ơi khi tôi vừa mới cất tiếng khóc chào đời!...

       …Đầu Xuân, ngồi một mình trầm ngâm ôn lại dĩ vãng mà lòng buồn tê tái, dạ thấy bồi hồi, quê hương còn đó mà mình thì nghìn trùng xa cách! Thôi thì dù mình quốc tịch nào, nói ngoại ngữ gì đi nữa, thì mình vẫn còn! Vâng, mình vẫn còn một dòng máu Lạc Hồng, một tiếng nói VN, một tình nghĩa đồng bào, một quê hương yêu dấu, một ý chí trở về. Về với quê hương, Mẹ Việt Nam đang ngóng chờ… ./.

                                                                                                                   Tôn Thất Đàn